

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toán, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG  
THỪA THIÊN HUẾ**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 36

---



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐUBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3103000161 ngày 10/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/09/2018 với mã số doanh nghiệp là 3300101011.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là GTH

Vốn điều lệ: 27.355.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: 27.355.000.000 đồng

**Các đơn vị trực thuộc của Công ty:** Công ty có 12 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây lắp 6;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Cơ Khí;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Cửa hàng xăng dầu An Lỗ.

### **2. Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (+84) 0234.3812849
- Fax : (+84) 0234.3823846

3. **Ngành nghề kinh doanh chính:** Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực bao gồm: hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất đá xây dựng,....

4. **Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1. **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Chủ tịch	28/08/2020	
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch	28/08/2020	
Ông Trần Chính	Thành viên	11/06/2019	
Ông Phạm Văn Đức	Thành viên	11/06/2019	
Ông Đặng Quý	Thành viên	11/06/2019	

4.2. **Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quang	Trưởng ban	11/06/2019	
Bà Đỗ Thị Thanh Bé	Thành viên	11/06/2019	
Ông Nguyễn Tri Thiện	Thành viên	11/06/2019	

4.3. **Ban điều hành**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Tổng Giám đốc	12/06/2019	
Ông Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	28/06/2019	
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	28/08/2020	
Bà Ngô Thị Lệ Hương	Kế toán trưởng	28/06/2019	

5. **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đăng Bảo	Tổng Giám đốc

## **6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 36..

## **7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

## **8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## **9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**  
Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

---

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN ĐĂNG BẢO**  
**Tổng Giám đốc**  
Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2022



Số: 17/2022/BCKT/AUD-DNVVLUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2022, từ trang 08 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES**



**Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

**Trần Xuân Thanh - Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>206.694.269.873</b>	<b>197.357.945.839</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>21.267.627.405</b>	<b>18.873.331.598</b>
111	1. Tiền		21.267.627.405	18.873.331.598
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>-</b>
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>85.400.100.454</b>	<b>80.197.211.918</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	56.741.480.232	46.966.466.376
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	20.085.687.943	21.407.973.989
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	21.780.715.195	21.808.789.068
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(13.207.782.916)	(9.986.017.515)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>97.622.314.075</b>	<b>94.991.150.631</b>
141	1. Hàng tồn kho		104.838.575.365	102.776.712.451
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(7.216.261.290)	(7.785.561.820)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.304.227.939</b>	<b>3.296.251.692</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	662.455.780	955.020.363
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.639.009.159	2.341.231.329
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	2.763.000	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>26.125.373.033</b>	<b>27.320.013.473</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>340.369.665</b>	<b>331.433.386</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.4b	340.369.665	331.433.386
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>19.732.959.561</b>	<b>22.039.327.756</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	19.732.959.561	22.039.327.756
222	- Nguyên giá		105.380.839.935	105.180.839.935
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.647.880.374)	(83.141.512.179)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>100.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.8	-	100.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.052.043.807</b>	<b>4.849.252.331</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	6.052.043.807	4.849.252.331
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>232.819.642.906</b>	<b>224.677.959.312</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>199.216.882.793</b>	<b>191.214.095.519</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>199.206.640.474</b>	<b>191.203.853.200</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	77.545.345.439	68.355.517.353
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	44.943.493.885	39.680.623.927
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	8.074.891.919	8.474.232.525
314	4. Phải trả người lao động	V.13	4.498.834.528	4.203.380.179
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	2.849.843.756	355.688.856
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15a	12.442.210.064	12.001.732.083
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	48.684.778.547	57.878.714.239
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	167.242.336	253.964.038
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>10.242.319</b>	<b>10.242.319</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.15b	10.242.319	10.242.319
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>33.602.760.113</b>	<b>33.463.863.793</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>33.602.760.113</b>	<b>33.463.863.793</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		27.355.000.000	27.355.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		27.355.000.000	27.355.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(126.000.000)	(126.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.247.125.283	4.247.125.283
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		945.955.533	945.955.533
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.180.679.297	1.041.782.977
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		116.954.679	22.703.106
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.063.724.618	1.019.079.871
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>232.819.642.906</b>	<b>224.677.959.312</b>

Tp. Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tổng Giám đốc



  
NGUYỄN ĐĂNG BẢO

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	149.966.641.675	146.385.206.282
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		149.966.641.675	146.385.206.282
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	132.105.791.813	127.624.159.167
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.860.849.862	18.761.047.115
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	273.476.199	46.264.880
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.985.774.963	6.969.733.246
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.985.774.963	6.969.733.246
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.811.488.709	3.100.778.287
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	8.099.887.036	6.166.990.396
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.237.175.353	2.569.810.066
31	11. Thu nhập khác	VI.7	2.763.000	134.807.476
32	12. Chi phí khác	VI.8	864.134.365	1.272.946.912
40	13. Lợi nhuận khác		(861.371.365)	(1.138.139.436)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.375.803.988	1.431.670.630
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	312.079.370	412.590.759
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.063.724.618	1.019.079.871
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	350	334
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	350	334

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG



Tp. Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

NGUYỄN ĐĂNG BẢO

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>1.375.803.988</b>	<b>1.431.670.630</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7	2.506.368.195	2.683.678.839
03	- Các khoản dự phòng	V.5, V.6	2.652.464.871	2.074.131.371
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(273.476.199)	27.639.438
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	4.985.774.963	6.969.733.246
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>11.246.935.818</b>	<b>13.186.853.524</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.073.945.893)	16.918.049.343
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.061.862.914)	(10.666.777.676)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		17.778.236.996	11.335.871.380
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(910.226.893)	(2.115.778.235)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.681.089.593)	(6.618.879.632)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(461.417.221)	(863.359.715)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(190.900.000)	(127.050.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>12.645.730.300</b>	<b>21.048.928.989</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(200.000.000)	(876.943.861)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	9.090.909
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000	340.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	273.476.199	46.264.880
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>173.476.199</b>	<b>(481.588.072)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	107.544.217.035	91.525.891.202
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(116.738.152.727)	(106.473.362.974)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V15, V18	(1.230.975.000)	(820.650.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(10.424.910.692)</b>	<b>(15.768.121.772)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>2.394.295.807</b>	<b>4.799.219.145</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>18.873.331.598</b>	<b>14.074.112.453</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>21.267.627.405</b>	<b>18.873.331.598</b>

Người lập biểu

NGUYỄN VĂN HẬU

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

Tổng Giám đốc



Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2022

NGUYỄN ĐĂNG BẢO

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp, khai thác và sản xuất gạch, đá xây dựng

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, thương phẩm;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông đúc sẵn, thương phẩm;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý vận tải;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với hoạt động xây dựng công trình của Công ty thường kéo dài trên 12 tháng.

Các hoạt động khác chu kỳ kinh doanh thường không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc công ty**

Công ty có 12 đơn vị trực thuộc, các đơn vị này hạch toán kế toán phụ thuộc bao gồm:

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Chi nhánh Quảng Điền;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 2;
- Xí nghiệp Xây lắp 6;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Cơ Khí;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Cửa hàng xăng dầu An Lễ.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 139 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 144 nhân viên).

#### **7. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch doanh thu – chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Dịch vụ hoàn thành: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến dịch vụ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **Chi phí khai thác mỏ đá**

Chi phí khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian thực tế trên giấy phép khai thác.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	04 - 11 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Hết khấu hao
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao
Tài sản cố định khác	Hết khấu hao

### **7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 9. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu;

Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị ghi sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

#### 10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **11. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

## **12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động bất động sản đầu tư gồm có chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

## **13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

*Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc cho giai đoạn từ ngày và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	19.414.319.875	11.841.514.622
Tiền gửi ngân hàng	1.853.307.530	7.031.816.976
<b>Cộng</b>	<b>21.267.627.405</b>	<b>18.873.331.598</b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>56.741.480.232</i>	<i>46.966.466.376</i>
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh TT Huế	8.122.806.000	97.946.000
- Công ty CP Thành Đạt	4.719.584.017	3.680.778.977
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh Quảng Trị	1.325.097.000	-
- Các đối tượng khác	42.573.993.215	43.187.741.399
<b>Cộng</b>	<b>56.741.480.232</b>	<b>46.966.466.376</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	20.085.687.943	21.407.973.989
- Các đối tượng khác	20.085.687.943	21.407.973.989
<b>Cộng</b>	<b>20.085.687.943</b>	<b>21.407.973.989</b>

**4. Phải thu ngắn và dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	913.486.199	-	1.931.810.617	-
Tại văn phòng Công ty	34.753.962	-	1.131.302.584	-
- <i>Phải thu nhân viên về bảo hiểm, thuế TNCN</i>	34.753.962	-	34.628.832	-
- <i>BQL DA ĐT XD Công trình giao thông</i>	-	-	840.000.000	-
- <i>Các đối tượng khác</i>	-	-	256.673.752	-
Tại XN Xây dựng Giao thông 1	257.725.797	-	34.382.424	-
Tại XN Thi công Cầu	-	-	63.006.979	-
Tại NM Gạch Tuynen Hải Lăng	185.083.039	-	151.678.957	-
- <i>Đoàn phí công đoàn</i>	115.083.039	-	81.678.957	-
- <i>Ký quỹ, ký cược</i>	70.000.000	-	70.000.000	-
Tại Chi nhánh Quảng Trị	118.102.293	-	57.801.333	-
Tại Chi nhánh Quảng Điền	-	-	60.000.000	-
Đội liên kết 3	70.816.047	-	70.816.047	-
Xí nghiệp XL 6	107.994.558	-	107.994.558	-
Các đối tượng khác	139.010.503	-	103.148.778	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	20.867.228.996	7.517.811.667	20.028.657.408	4.374.534.176
<b>Cộng</b>	<b>21.780.715.195</b>	<b>7.517.811.667</b>	<b>21.808.789.068</b>	<b>4.374.534.176</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	340.369.665	-	331.433.386	-
<b>Cộng</b>	<b>340.369.665</b>	<b>-</b>	<b>331.433.386</b>	<b>-</b>

**5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	13.207.782.916	3.221.765.401	-	9.986.017.515
<b>Cộng</b>	<b>13.207.782.916</b>	<b>3.221.765.401</b>		<b>9.986.017.515</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.827.959.978	-	5.116.236.733	-
Công cụ, dụng cụ	46.055.508	-	41.743.872	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	67.937.283.239	-	62.455.772.459	-
Thành phẩm (**)	31.921.325.803	(7.216.261.290)	35.124.328.550	(7.785.561.820)
Hàng hóa	105.950.837	-	38.630.837	-
<b>Cộng</b>	<b>104.838.575.365</b>	<b>(7.216.261.290)</b>	<b>102.776.712.451</b>	<b>(7.785.561.820)</b>

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Nhánh tây HCM	4.632.957.745	8.001.278.072
Công trình Đường Tỉnh Lộ 10 Phú Mỹ Thuận An	4.456.069.053	5.084.023.875
Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn Tây Đông Hà	3.802.242.051	5.481.115.468
Công trình Trường DakRông 2	2.266.547.018	2.048.304.297
Công trình Đường 49C Hải Lăng-Ban Bảo Trì	1.274.204.131	1.703.114.841
Các công trình khác	51.502.232.937	40.137.935.906
<b>Cộng</b>	<b>67.934.252.935</b>	<b>62.455.772.459</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*\*) Số dư cuối năm của thành phẩm chủ yếu là gạch tuynel, đá xây dựng các loại.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	19.805.601.273	74.701.241.980	9.112.989.234	1.349.256.081	211.751.367	105.180.839.935
Mua sắm trong năm	-	200.000.000	-	-	-	200.000.000
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.805.601.273</b>	<b>74.901.241.980</b>	<b>9.112.989.234</b>	<b>1.349.256.081</b>	<b>211.751.367</b>	<b>105.380.839.935</b>
<i>Trong đó:</i>						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	618.103.115	7.230.670.662	9.112.989.234	1.349.256.081	211.751.367	18.522.770.459
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	8.614.363.278	63.855.347.929	9.112.989.234	1.347.060.371	211.751.367	83.141.512.179
Khấu hao trong năm	830.951.785	1.673.220.700	-	2.195.710	-	2.506.368.195
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.445.315.063</b>	<b>65.528.568.629</b>	<b>9.112.989.234</b>	<b>1.349.256.081</b>	<b>211.751.367</b>	<b>85.647.880.374</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	11.191.237.995	10.845.894.051	-	2.195.710	-	22.039.327.756
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.360.286.210</b>	<b>9.372.673.351</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.732.959.561</b>

Trong đó: Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 16.814.995.729 đồng (Xem thuyết minh V.15).

**8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu	-	-	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	118.857.911	210.036.544
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	522.160.640	704.581.321
Chi phí bảo hiểm	-	17.944.164
Các khoản khác	16.103.895	-
Phí kiểm định trạm	5.333.334	22.458.334
<b>Cộng</b>	<b><u>662.455.780</u></b>	<b><u>955.020.363</u></b>

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	500.643.257	241.324.936
Tăng trong năm	1.185.292.771	1.132.302.362
Phân bổ trong năm	(1.023.480.248)	(418.606.935)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>662.455.780</u></b>	<b><u>955.020.363</u></b>

**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	623.521.373	558.673.030
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	550.451.192	963.595.409
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	250.777.992	682.387.135
Chi phí cấp phép khai thác mỏ, mở mỏ	4.624.764.249	2.627.918.849
Phí đào tạo kỹ sư khai thác mỏ	2.529.000	7.587.000
Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm	-	9.090.908
<b>Cộng</b>	<b><u>6.052.043.807</u></b>	<b><u>4.849.252.331</u></b>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	5.303.629.437	3.447.169.523
Tăng trong năm	2.986.303.218	2.558.975.911
Phân bổ trong năm	(2.237.888.848)	(1.156.893.103)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>6.052.043.807</u></b>	<b><u>4.849.252.331</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	77.545.345.439	68.355.517.353
- Công ty CP Đầu tư XD và TM Quốc tế ICT	4.733.917.500	5.933.917.500
- Các đối tượng khác	72.811.427.939	62.421.599.853
<b>Cộng</b>	<b>77.545.345.439</b>	<b>68.355.517.353</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	44.943.493.885	39.680.623.927
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh TT Huế (*)	13.399.845.956	9.762.450.956
- Ban QLDA ĐTXD Khu vực TP Huế (*)	10.279.301.000	15.052.606.000
- Các đối tượng khác	21.264.346.929	14.865.566.971
<b>Cộng</b>	<b>44.943.493.885</b>	<b>39.680.623.927</b>

(\*) Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước như sau:

Tên đối tượng	Số cuối năm	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên công trình	Thời gian thực
- Ban QLDA ĐTXD CTGT khu vực TP Huế	10.226.695.000	32/2020/HĐXL	28/12/2020	Nâng cấp mở rộng Đường Hà Nội	31/03/2022
- Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh Thừa Thiên Huế	9.039.191.000	17/2018/HĐXL	31/08/2018	Công trình Đường Tỉnh Lộ 10 Phú Mỹ Thuận An	31/12/2022

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.223.548.998	4.186.706.774	5.465.441.676	2.944.814.096	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	412.590.759	312.079.370	461.417.221	263.252.908	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.799.445	80.192.765	105.472.719	7.519.491	-
Thuế tài nguyên	770.178.183	1.541.179.268	1.310.184.750	1.001.172.701	-
Thuế nhà đất	1.562.490.884	310.288.373	228.792.993	1.646.749.264	2.763.000
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.472.624.256	1.517.145.442	778.386.239	2.211.383.459	-
<b>Cộng</b>	<b>8.474.232.525</b>	<b>7.957.591.992</b>	<b>8.359.695.598</b>	<b>8.074.891.919</b>	<b>2.763.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Trong năm tài chính 2021, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp. Việc giảm thuế này được quy định tại Điều 1 của Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết thu hành Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid -19. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.375.803.988	1.431.670.630
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	504.573.926	1.515.406.220
- Các khoản điều chỉnh tăng	823.334.366	1.515.406.220
+ Phạt chậm nộp thuế, hành chính	823.334.366	869.471.111
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	645.935.109
- Các khoản điều chỉnh giảm	318.760.440	-
+ Giảm lợi nhuận công trình đã đưa vào tính thuế năm trước theo biên bản Kiểm toán Nhà nước	65.263.991	-
+ Giảm lợi nhuận do tính toán lại phân bổ chi phí trả trước theo biên bản Kiểm toán Nhà nước	253.496.449	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.880.377.914</b>	<b>2.947.076.850</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.880.377.914</b>	<b>2.947.076.850</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	376.075.583	589.415.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	-	176.824.611
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP	112.822.675	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>312.079.370</b>	<b>412.590.759</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	263.252.908	412.590.759
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN kỳ trước vào chi phí thuế TNDN kỳ này theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	48.826.462	-

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	4.498.834.528	4.203.380.179
<b>Cộng</b>	<b><u>4.498.834.528</u></b>	<b><u>4.203.380.179</u></b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	288.641.309
Trích trước chi phí thi công công trình	2.849.843.756	67.047.547
<b>Cộng</b>	<b><u>2.849.843.756</u></b>	<b><u>355.688.856</u></b>

**15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>12.442.210.064</b>	<b>12.001.732.083</b>
- Kinh phí công đoàn	272.232.676	354.215.838
- BHXH, BHYT, BHTN	5.031.416.725	4.424.487.185
- Phải trả về cổ phần hóa	3.219.226.893	3.219.226.893
- Cổ tức phải trả	919.466.920	1.329.791.920
- Lãi vay phải trả	1.521.874.374	1.217.189.004
- Phụ cấp, kinh phí Đảng bộ	-	20.000
- Tạm ứng (Dư có)	519.223.683	495.846.460
- Tiền thí nghiệm xây lắp 6	18.687.500	18.687.500
- Đoàn phí công đoàn	293.892.705	257.233.590
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và thuê đất Công ty 368 trả hộ	423.790.061	423.790.061
- Đội xây lắp 16	3.868.450	3.868.450
- CN Tổng Công ty Viwaseen tại Đà Nẵng	120.000.000	-
- Công ty cầu 75	5.000.000	-
- Trợ cấp thôi việc	-	49.291.500
- Bảo hiểm trả cho cá nhân	3.220.538	163.845.105
- Các khoản khác	90.309.539	44.238.577
<b>CN Tổng Công ty Viwaseen tại Đà Nẵng</b>		
<b>Cộng</b>	<b><u>12.442.210.064</u></b>	<b><u>12.001.732.083</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	10.242.319	10.242.319
<b>Cộng</b>	<b><u>10.242.319</u></b>	<b><u>10.242.319</u></b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	48.684.778.547	48.684.778.547	57.878.714.239	57.878.714.239
- Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	48.424.065.847	48.424.065.847	56.623.030.951	56.623.030.951
- Vay ngắn hạn của các cá nhân	260.712.700	260.712.700	1.255.683.288	1.255.683.288
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>48.684.778.547</u></b>	<b><u>48.684.778.547</u></b>	<b><u>57.878.714.239</u></b>	<b><u>57.878.714.239</u></b>

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/580064/HĐTĐ ngày 08/12/2021. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng, thời gian vay và lãi suất xác định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo tiền là toàn bộ nhà cửa, máy móc thiết bị thi công công trình (Xem thuyết minh số V.7)

- Vay ngắn hạn các cá nhân theo từng hợp đồng vay ngắn hạn. Lãi suất vay dao động từ 5% đến 10% tùy từng hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	253.964.038	104.178.298	(190.900.000)	167.242.336
<b>Cộng</b>	<b><u>253.964.038</u></b>	<b><u>104.178.298</u></b>	<b><u>(190.900.000)</u></b>	<b><u>167.242.336</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	887.740.112	33.309.820.928
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.019.079.871	1.019.079.871
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(44.387.006)	(44.387.006)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(820.650.000)	(820.650.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>27.355.000.000</b>	<b>(126.000.000)</b>	<b>4.247.125.283</b>	<b>945.955.533</b>	<b>1.041.782.977</b>	<b>33.463.863.793</b>
Số dư đầu năm nay	27.355.000.000	(126.000.000)	4.247.125.283	945.955.533	1.041.782.977	33.463.863.793
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	1.063.724.618	1.063.724.618
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(104.178.298)	(104.178.298)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(820.650.000)	(820.650.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>27.355.000.000</b>	<b>(126.000.000)</b>	<b>4.247.125.283</b>	<b>945.955.533</b>	<b>1.180.679.297</b>	<b>33.602.760.113</b>

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Ông Phạm Văn Đức	6.588.650.000	24,09%	6.588.650.000	24,09%
Vốn góp của Ông Nguyễn Đăng Bảo	3.739.800.000	13,67%	3.739.800.000	13,67%
Vốn góp của Ông Trần Chính	2.921.630.000	10,68%	2.921.630.000	10,68%
Vốn góp của Ông Lê Viết Trí	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của Bà Ngô Thị Lệ Hương	1.655.040.000	6,05%	1.655.040.000	6,05%
Vốn góp của Ông Đặng Quý	1.556.830.000	5,69%	1.556.830.000	5,69%
Vốn góp của các cổ đông khác	10.893.050.000	39,82%	10.893.050.000	39,82%
<b>Cộng</b>	<b>27.355.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>27.355.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.355.000.000	27.355.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.355.000.000	27.355.000.000
- Cổ tức đã chia	820.650.000	820.650.000

**18d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.735.500	2.735.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu thường	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu thường	2.735.500	2.735.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**18e. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty số 01-NQ/ĐH ngày 11 tháng 05 năm 2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 3% vốn điều lệ, tương ứng số tiền: 820.650.000 đồng.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây lắp	108.901.022.972	112.344.534.324
Doanh thu bán VLXD, vận chuyên, cho thuê thiết bị,....	41.065.618.703	34.040.671.958
<b>Cộng</b>	<b>149.966.641.675</b>	<b>146.385.206.282</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn xây lắp	98.173.292.064	99.059.423.609
Giá vốn VLXD, cho thuê thiết bị,....	34.501.800.279	29.217.119.260
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(569.300.530)	(652.383.702)
<b>Cộng</b>	<b><u>132.105.791.813</u></b>	<b><u>127.624.159.167</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	273.476.199	46.264.880
<b>Cộng</b>	<b><u>273.476.199</u></b>	<b><u>46.264.880</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.985.774.963	6.969.733.246
<b>Cộng</b>	<b><u>4.985.774.963</u></b>	<b><u>6.969.733.246</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.400.406.064	907.731.781
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.206.832	-
Các khoản khác	1.254.875.813	2.193.046.506
<b>Cộng</b>	<b><u>2.811.488.709</u></b>	<b><u>3.100.778.287</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.123.461.498	2.682.565.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.566.074	120.693.468
Chi phí dự phòng	3.221.765.401	2.726.515.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	344.909.206	83.526.732
Chi phí khác	2.233.184.857	553.689.870
<b>Cộng</b>	<b><u>8.099.887.036</u></b>	<b><u>6.166.990.396</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cục thuế tỉnh Quảng Trị giảm tiền thuê đất năm 2021 do dịch Covid	2.763.000	-
Thu tiền bảo hiểm BIC bồi thường	-	78.045.259
Xử lý công nợ	-	56.762.217
<b>Cộng</b>	<b><u>2.763.000</u></b>	<b><u>134.807.476</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lễ ngày 2/9	39.900.000	33.200.000
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	873.060.827	869.471.111
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	232.935.920
Chi phí thi hành án	-	31.431.513
Giá trị còn lại của xe ô tô đã thanh lý	-	73.904.318
Chi phí khác	-	32.004.050
<b>Cộng</b>	<b><u>912.960.827</u></b>	<b><u>1.272.946.912</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.724.618	1.019.079.871
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(106.372.462)	(104.178.298)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(106.372.462)	(104.178.298)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	957.352.156	914.901.573
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.735.500	2.735.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>350</b>	<b>334</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐH ngày 11 tháng 05 năm 2021.

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.735.500	2.735.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong</b>	<b>2.735.500</b>	<b>2.735.500</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	957.352.156	914.901.573
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	957.352.156	914.901.573
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.735.500	2.735.500
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>350</b>	<b>334</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.674.430.429	65.134.009.506
Chi phí nhân công	42.525.367.833	43.500.156.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.506.368.195	2.683.678.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.146.079.820	23.676.646.542
Chi phí khác	7.509.660.512	7.561.942.592
<b>Cộng</b>	<b><u>139.361.906.789</u></b>	<b><u>142.556.434.355</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VND)****1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	107.544.217.035	91.525.891.202
<b>Cộng</b>	<b><u>107.544.217.035</u></b>	<b><u>91.525.891.202</u></b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	116.738.152.727	106.473.362.974
<b>Cộng</b>	<b><u>116.738.152.727</u></b>	<b><u>106.473.362.974</u></b>

**II. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VND)****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty chỉ có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2021				
			Lương	Thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Ngô Thị Lê Hương	Chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng	160.000.000	9.500.000	36.000.000	74.476.800	279.976.800
2	Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	199.500.000	15.000.000	30.000.000	168.291.000	412.791.000
3	Phạm Văn Đức	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	296.489.250	320.489.250
4	Trần Chính	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	131.473.350	155.473.350
5	Đặng Quý	Thành viên HĐQT	102.519.000	-	24.000.000	70.057.350	196.576.350
6	Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	158.500.000	9.500.000	-	8.159.400	176.159.400
7	Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	177.500.000	5.000.000	-	15.750.000	198.250.000
8	Nguyễn Thanh Nhật	Thư ký HĐQT	119.484.127	7.500.000	18.000.000	3.168.450	148.152.577
9	Trần Quang	Trưởng Ban kiểm soát	88.409.054	4.600.000	24.000.000	5.635.350	122.644.404
10	Nguyễn Tri Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	88.621.346	4.700.000	18.000.000	5.213.700	116.535.046
11	Đỗ Thị Thanh Bé	Thành viên Ban kiểm soát	44.994.015	-	18.000.000	8.929.800	71.923.815
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.139.527.543</b>	<b>55.800.000</b>	<b>216.000.000</b>	<b>787.644.450</b>	<b>2.198.971.993</b>

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2020				
			Lương	Thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Ngô Thị Lê Hương	Chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng	118.000.000	9.000.000	31.000.000	49.651.200	207.651.200
2	Nguyễn Đăng Bảo	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	183.500.000	15.000.000	35.000.000	112.194.000	345.694.000
3	Phạm Văn Đức	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	197.659.500	221.659.500
4	Trần Chính	Thành viên HĐQT	182.500.000	15.000.000	24.000.000	87.648.900	309.148.900
5	Đặng Quý	Thành viên HĐQT	102.519.000	-	24.000.000	46.704.900	173.223.900
6	Đoàn Anh Hải	Phó Tổng Giám đốc	117.500.000	9.000.000	-	5.439.600	131.939.600
7	Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	138.000.000	-	-	10.500.000	148.500.000
8	Nguyễn Thanh Nhật	Thư ký HĐQT	89.500.000	6.000.000	3.000.000	1.482.300	99.982.300
9	Trần Quang	Trưởng Ban kiểm soát	58.700.000	4.500.000	24.000.000	3.756.900	90.956.900
10	Nguyễn Tri Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	59.900.000	4.500.000	18.000.000	3.475.800	85.875.800
11	Đỗ Thị Thanh Bé	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	18.000.000	5.953.200	23.953.200
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.050.119.000</b>	<b>63.000.000</b>	<b>201.000.000</b>	<b>524.466.300</b>	<b>1.838.585.300</b>

**2. Báo cáo bộ phận***Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động xây lắp
- Hoạt động kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Lô 77 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.901.022.972	41.065.618.703	-	149.966.641.675
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.901.022.972	41.065.618.703	-	149.966.641.675
Giá vốn bộ phận	98.173.292.064	33.932.499.749	-	132.105.791.813
Lợi nhuận gộp bộ phận	10.727.730.908	7.133.118.954	-	17.860.849.862
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	112.344.534.324	34.040.671.958	-	146.385.206.282
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.344.534.324	34.040.671.958	-	146.385.206.282
Giá vốn bộ phận	99.059.423.609	28.564.735.558	-	127.624.159.167
Lợi nhuận gộp bộ phận		5.475.936.400	-	18.761.047.115

*Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐH ngày 11 tháng 05 năm 2021 so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẬU

NGÔ THỊ LỆ HƯƠNG

NGUYỄN ĐĂNG BẢO